

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh *(có phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2017.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Hành chính công để thực hiện niêm yết thủ tục hành chính, công bố tại Cổng dịch vụ công và website Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Hành chính công, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và các CV;
- Lưu: VT, KSTH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Ngọc Thọ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐƯA VÀO TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
TẠI TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2975 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

STT	Tên TTHC	Số TTHC đưa vào TTHCC
I	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp (65 TTHC)	65/65
I.1	Mục 1: Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (60 TTHC)	60/60
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên	
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do thừa kế.	
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty TNHH hai thành viên trở lên	
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	

22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
40	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	
41	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	
42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	
43	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	
44	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	

45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	
46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
48	Chuyển đổi công ty TNHH thành công ty cổ phần	
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH một thành viên	
50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty TNHH hai thành viên trở lên	
51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	
52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
54	Giải thể doanh nghiệp	
55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
I.2	Mục 2: Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (05 TTHC)	5/5
1	Thành lập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập	
2	Hợp nhất, sáp nhập công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập, hoặc được giao quản lý	
3	Chia, tách công ty TNHH một thành viên do UBND tỉnh quyết định thành lập hoặc được giao quản lý	
4	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên	
5	Giải thể công ty TNHH một thành viên	
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội (08 TTHC)	8/9
1	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
2	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
3	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	
4	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
5	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
6	Công khai hoạt động của doanh nghiệp xã hội	
7	Cung cấp thông tin, bản sao Báo cáo đánh giá tác động xã hội và Văn bản tiếp nhận viện trợ, tài trợ	
8	Chuyên cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	
III	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (Liên hiệp HTX) (19 TTHC)	19/19
1	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	

4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
IV	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (28 TTHC)	28/28
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
5	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh	
8	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
9	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội	
10	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
11	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
12	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

13	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
14	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ)	
15	Chuyển nhượng dự án đầu tư (Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh)	
16	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
17	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
19	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
20	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
21	Giãn tiến độ đầu tư	
22	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
23	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
24	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
25	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
26	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
27	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
28	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	
V	Lĩnh vực đầu thầu (13 TTHC)	13/13
V.1	Mục 1: Lựa chọn nhà đầu tư hình thức đối tác công tư PPP và nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (10 TTHC)	
1	Thẩm định và phê duyệt đề xuất dự án	
2	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án	
3	Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển	
4	Thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư	
5	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu lựa chọn nhà đầu tư	
6	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
7	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà đầu tư	
8	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
9	Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
10	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
V.2	Mục 2: Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do UBND tỉnh là chủ đầu tư (03 TTHC)	
1	Thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
2	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	
3	Giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu	
VI	Lĩnh vực vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (07 TTHC)	7/7
VI.1	Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (02 TTHC)	
1	Tiếp nhận dự án viện trợ phi Chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền UBND tỉnh	
2	Tiếp nhận dự án nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài thuộc thẩm	

	quyền của Thủ tướng Chính phủ	
VI.2	Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (05 TTHC)	
1	Đề xuất và lựa chọn Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
2	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
3	Quyết định chủ trương đầu tư dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
4	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	
5	Xác nhận chuyên gia	
VII	Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)	1/1
1	Cấp quyết định hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ	
VIII	Lĩnh vực đầu tư xây dựng (04 TTHC)	4/4
1	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án	
2	Trình phê duyệt dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	
3	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật	
4	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình	
IX	Lĩnh vực đầu tư không xây dựng (05 TTHC)	5/5
1	Thẩm định chủ trương đầu tư dự án	
2	Thẩm định thiết kế thi công và dự toán	
3	Trình phê duyệt dự án	
4	Trình phê duyệt điều chỉnh dự án, thiết kế thi công và dự toán	
5	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	

Tổng số: 150/152 TTHC đưa vào tiếp nhận tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

* Ghi chú: Bỏ 02 TTHC không đưa vào Danh mục:

1. Thủ tục “*Nộp lại con dấu và Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho cơ quan công an nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu*” thuộc **Lĩnh vực thành lập và hoạt động doanh nghiệp xã hội**. Lý do: Cơ quan thực hiện TTHC này là Công an tỉnh.

2. Thủ tục “*Xin phép sử dụng thẻ ABTC*” thuộc Lĩnh vực cho phép sử dụng thẻ ABTC (đi lại của doanh nhân APEC). Lý do: TTHC đã được hủy bỏ để xây dựng mới lại cho phù hợp.